

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-PT

Ngày 09-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hiền

Ông Võ Đình Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Đăng Phương Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2023/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 55/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Kim L**, sinh năm: 199x

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N.H, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Mai Tấn H**, sinh năm: 198x

Địa chỉ: Tổ P, phường V, thành phố N.T, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Tấn H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Tấn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Nha Trang năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau trong cách chăm sóc, nuôi dạy con cái, vấn đề tài chính trong gia đình, mối quan hệ với họ hàng. Ông bà đã nhiều lần nói chuyện với nhau, cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả tốt hơn. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là Mai Yến T, sinh ngày 29/7/201x và Mai Yến N, sinh ngày 17/8/201x. Khi ly hôn bà xin nhận nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Mai Tấn H không đến Tòa án làm việc; không có lời khai.

Tại bản án sơ thẩm số: 55/2023/HNGĐ-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phan Thị Kim L được ly hôn ông Mai Tấn H. Về con chung: Giao hai con chung là Mai Yến T, sinh ngày: 29/7/201x và Mai Yến N, sinh ngày: 17/8/201x cho bà Phan Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Mai Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim L không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không xét. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/5/2023, bị đơn ông Mai Tấn H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể là không đồng ý quyết định giao hai con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T; giao cháu N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L không rút đơn khởi kiện; bị đơn ông H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Ông H cho rằng từ giữa năm 2021 đến nay, cháu T ở với ông tại phường V, thành phố Nha Trang và đang học tại Trường Tiểu học V, thành phố Nha Trang; kết quả học tập lớp 2, lớp 3 của cháu T là tốt hơn kết quả học tập lớp 1 khi cháu Trang học ở Trường Tiểu học N, thị xã Ninh Hòa nên ông mong muốn tiếp tục được chăm sóc, nuôi con để đảm bảo cho con phát triển tốt về mọi mặt. Nguyên đơn bà L xác nhận việc cháu T đang ở với ông H, cũng như kết quả học tập của cháu T đúng như lời trình bày của ông H; tuy nhiên, bà không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn vì cháu T là con gái nên bà sẽ chăm sóc tốt hơn ông H và cháu T có nguyện vọng ở với bà. Bà muốn nuôi cả hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Kể từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của

pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Tấn H; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngày 19/5/2023, bị đơn ông H có đơn kháng cáo bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang. Như vậy, đơn kháng cáo của ông H là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án tiến hành xem xét, giải quyết đơn kháng cáo của ông H theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 02/4/2014, bà L và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Nha Trang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2014 theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bà L được ly hôn ông H và các đương sự không có kháng cáo; Viện kiểm sát không có kháng nghị về vấn đề này nên nội dung này có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Mai Tấn H, xét thấy:

[3.1]. Bà L và ông H đều xác định có hai con chung là cháu Mai Yến T, sinh ngày: 29/7/201x và Mai Yến N, sinh ngày: 17/8/201x. Từ năm 2014 đến giữa năm 2019, cháu T sống với bà L, ông H tại nhà cha mẹ của ông H ở phường V, thành phố Nha Trang; sau đó, cháu T sống với bà L tại nhà mẹ của bà L ở xã N, thị xã Ninh Hòa. Khoảng giữa năm 2021, cháu T về lại sống với ông H tại phường V, thành phố Nha Trang; còn cháu N từ khi được sinh ra thì sinh sống với bà L tại xã N, thị xã Ninh Hòa cho đến nay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cháu T đang sống ổn định với bà L là không đúng thực tế.

[3.2]. Bà L và ông H đều xác định kết quả học tập của cháu T khi học lớp 1 tại Trường Tiểu học N là đạt học sinh khá; kết quả học tập lớp 2, lớp 3 tại Trường Tiểu học V lần lượt là đạt học sinh hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện, học sinh xuất sắc (có giấy xác nhận của Trường Tiểu học V). Như vậy, kết quả học tập của cháu T có chiều hướng tốt hơn.

[3.3]. Tại bản tự khai ngày 3/7/2023 của cháu T có chữ ký xác nhận của bà L và ông H, cháu T khai việc cháu muốn ở với mẹ là vì muốn hai chị em chơi chung với nhau; còn cháu đều thương cha mẹ và cháu cũng cảm nhận cả cha mẹ đều thương cháu. Hàng ngày, ông H là người đưa đón cháu đi học; cháu cảm thấy việc học tập ở đây vui vẻ.

[3.4]. Cả bà L và ông H đều có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trên cơ sở xem xét toàn diện các mặt, nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh sống, học tập thực tế hiện nay, nên giao cháu T cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3.5]. Bà L và ông H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[3.6]. Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Mai Tấn H.

[3.7]. Những vấn đề khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

[3.8]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ các Điều 26, 27, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Tấn H về tranh chấp nuôi con; sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phan Thị Kim L được ly hôn ông Mai Tấn H.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Giao con chung Mai Yến T, sinh ngày: 29/7/201x cho ông Mai Tấn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Mai Yến N, sinh ngày: 17/8/201x cho bà Phan Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Bà Phan Thị Kim L, ông Mai Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Bà Phan Thị Kim L, ông Mai Tấn H không cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Quá trình nuôi con, bà Phan Thị Kim L, ông Mai Tấn H có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phan Thị Kim L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0010798 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân

sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà Phan Thị Kim L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Mai Tấn H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Mai Tấn H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Mai Tấn H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0011696 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

5. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
 - TAND thành phố Nha Trang;
 - Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
 - UBND phường V, Tp. Nha Trang
- (Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-
-

Nguyễn Trung Tín

(27)
(28).
..... (29)
)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 75:

(1) và (5) Ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2017 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.

(13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(14) và (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng; nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lệ công bằng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có). Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

